

Bản án số: 901/2018/HC-ST

Ngày: 12-7-2018

V/v khiếu kiện quyết định
cưỡng chế phá dỡ công trình vi
phạm trật tự xây dựng đô thị.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực.

2. Ông Phạm Đức Hoan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Trần Anh Tuấn-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 388/2017/TLST-
HC ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2785/2018/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 6 năm
2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Trần Ngọc T.

Địa chỉ: 243 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 92/10B phường R, quận Đ, , Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 43 phường N, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ:

Ông Trần Văn D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ
Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 5419/GUQ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ:

- Ông Phạm Văn T – Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Văn N– Nhân viên Phòng Quản lý đô thị quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Thùy T – Công chức địa chính xây dựng phường R, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị L.

Địa chỉ: 243 phường B, Quận H.

4. Tòa án có triệu tập tham gia phiên tòa:

Ủy ban nhân dân phường R, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của theo ủy quyền: Bà Cù Thoại V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R.

(Tại phiên tòa, có mặt: ông T, ông T, bà T, bà L, bà V, vắng mặt: ông D, ông N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/9/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ “Về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị” (viết tắt là Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017), vì các lý do:

- Ông T nhận được Biên bản “Vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm” số 150/BB-VPHC ngày 18 tháng 8 năm 2016 (viết tắt là Biên bản số 150/BB-VPHC) do Đội Thanh tra địa bàn quận Đ và Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường R, quận Đ lập theo đường Bưu điện. Theo ông T: Biên bản này hoàn toàn bịa đặt, vu khống ông đã xây dựng sai vị trí tầng 1 là 19,86m², ông không biết biên bản này được lập ở đâu vì từ ngày ông xây nhà tới lúc nhận biên bản, chưa có một nhân viên nào của UBND phường đến nhà ông đo vẽ, vậy tại sao có thể xác định ông xây dựng sai vị trí tầng 1. Ngoài ra, khi người của UBND đến lập Biên bản ngày 18/8/2016, ông có mặt nhưng ông xác định Biên bản không lập ngay tại hiện trường và không có bản vẽ xác định vị trí sai phạm kèm theo Biên bản số 150/BB-VPHC.

Sau khi nhận được biên bản trên, ông T đã có văn bản và trực tiếp phản đối tới Chủ tịch UBND phường R và Trưởng ban Tiếp công dân của UBND quận Đ nhưng tới nay không cơ quan nào giải quyết.

- Theo Giấy phép xây dựng số 25/GPXD ngày 06/01/2016 (được điều chỉnh

theo Giấy xác nhận điều chỉnh nội dung số 1679/UBND-QLĐT ngày 28/7/2017 của UBND quận Đ) của UBND quận Đ (viết tắt là Giấy phép xây dựng số 25/GPXD) thì diện tích tầng 1 nhà ông được xây 240,4m² nhưng ông chỉ xây 236,8m². Chủ tịch UBND quận Đ ra Quyết định cưỡng chế phần nhà 19,86m² của ông là không đúng, vi phạm pháp luật, xúc phạm tới danh dự công dân của gia đình ông.

Ngày 26/7/2017, ông T đề nghị UBND phường R chỉ phần gia đình ông xây dựng sai 19,86m² để tự tháo dỡ nhưng không ai chỉ được vị trí xây sai ở đâu. Với thực tế như vậy, những người dân chứng kiến đã lập biên bản và cùng ký xác nhận việc xây nhà của ông là không sai phạm và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ký đó.

Sau đó, UBND phường R đã đến nhà ông đo đạc lần nữa nhưng không xác định được vị trí sai phạm nên ông không thể tháo dỡ theo yêu cầu.

- Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 có thời hạn thi hành trong 05 ngày kể từ ngày ký quyết định, như vậy đến nay quyết định đã hết thời hạn, không còn giá trị.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ vắng mặt, theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND quận Đ trình bày:

Ngày 18/8/2016, Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố phối hợp với UBND phường R, quận Đ lập Biên bản số 150/BB-VPHC đối với ông Trần Ngọc T do tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng số 25/GPXD. Ông T có mặt khi Thanh tra Sở Xây dựng lập Biên bản nhưng không đồng ý ký tên vào Biên bản.

Căn cứ Biên bản 150/BB-VPHC và qui định của pháp luật, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định “Xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng” số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 (viết tắt là Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016) đối với ông T.

Do ông T không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt nên Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định về “Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính” số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 (viết tắt là Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017) đối với ông T và chuyển hồ sơ đến UBND quận Đ để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo thẩm quyền.

Chủ tịch UBND quận Đ đã ban hành Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 theo đúng qui định.

Nay Chủ tịch UBND quận Đ nhận thấy việc ban Quyết định số 2846/QĐ-UBND đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà L đồng ý với ý kiến và yêu cầu của chồng bà là ông Trần Ngọc T. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định số

2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017. Hơn nữa, theo qui định tại Điều 98 Luật Xây dựng thì công trình xây dựng của gia đình bà không cần điều chỉnh giấy phép xây dựng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông T, bà L, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND quận Đ (ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Thùy T) và đại diện UBND phường R, quận Đ (bà Cù Thoại V) cùng thống nhất xác định:

-Theo Giấy phép xây dựng số 25/GPXD, Bản vẽ thiết kế XPXD ký hiệu KT 1/1 ngày 16/12/2015 do công ty TNHH Đo đạc, kiến trúc, xây dựng Nam Việt (đã được Phòng Quản lý Đô thị quận Đ duyệt ngày 06/01/2016) kèm theo Giấy phép xây dựng số 25/GPXD, ông T được phép xây dựng nhà A và nhà B có tổng diện tích xây dựng tại tầng 1 là 240,4 m²: Nhà B được ông T xây dựng đúng Giấy phép; Trên phần diện tích đất tiếp nối sau Nhà A (được xác định trên bản vẽ là “sân”) bị xác định tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng số 25/GPXD, cụ thể xây dựng sai vị trí diện tích tầng 1: 19,86m².

-Hiện nay, tại vị trí được cho là vị trí xây dựng vi phạm là công trình xây dựng gồm: một phần nhà (diện tích khoảng 1,65m x 3,5m) thuộc nhà A và một phần là công trình gắn liền nhà A có kết cấu: nền gạch ceramic, có tường gạch bao quanh, có cửa ra vào và cửa sổ, không lợp mái.

Ông T, bà L xác định:

-Trước khi bị lập Biên bản số 150/BB-VPHC ông T đã được Thanh tra Sở Xây dựng thông báo trước bằng văn bản về thời điểm và nội dung kiểm tra.

-Không gửi văn bản giải trình đối với Biên bản số 150/BB-VPHC đến Chánh Thanh tra Sở xây dựng.

-Diện tích được cấp phép xây dựng tầng 1 là 240,4m² nhưng chỉ xây dựng 236,8m² là không vi phạm, không thuộc trường hợp phải xin điều chỉnh giấy phép xây dựng; công trình bị cho là vi phạm được sử dụng làm chuồng gà, phơi đồ, nhà tắm, không dùng làm nhà ở. Giấy phép xây dựng số 25/GPXP và Luật Xây dựng không bắt buộc ông phải xây đúng theo bản vẽ thiết kế kèm giấy phép xây dựng.

-Thực tế, so với Giấy phép xây dựng, nhà A có xây dựng vượt diện tích 1,65m x 3,5m ở vị trí cuối nhà (phần ký hiệu sân trên bản vẽ), kết cấu: cột bê tông, tường gạch mái tôn nhưng việc xây dựng này không vi phạm vì: Xây dựng trên đất ở thuộc quyền sử dụng đất ở của ông; trong phạm vi diện tích được xây dựng.

-Ông T không khiếu nại, khởi kiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 và Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 của Chánh Thanh tra Sở xây dựng, chỉ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017.

-Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND quận Đ và đại diện UBND phường R, quận Đ (bà Cù Thoại V) trình bày:

-Ông T có mặt tại thời điểm lập Biên bản số 150/BB-VPHC nhưng không chịu ký biên bản.

-Ông T đã có hành vi vi phạm hành chính đúng như Biên bản số 150/BB-VPHC; sau khi bị lập biên bản ông T đã dỡ mái tôn một phần (4m x 3,5m) tại vị trí vi phạm, các ảnh chụp do ông T cung cấp chứng minh việc này.

-Sau khi có Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017, theo đề nghị của ông T, UBND phường R có đến nhà ông T giúp ông xác định vị trí công trình vi phạm để T tháo dỡ nhưng ông T cho là ông không vi phạm.

-Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Chủ tịch UBND quận Đ đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa và khoản 4 Điều 12 Luật Xây dựng, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn D và ông Phạm Văn N có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 là quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong xây dựng do Chủ tịch UBND quận Đ ban hành, được áp dụng đối với ông Trần Ngọc T; ngày 11/9/2017 ông T nộp đơn khởi kiện Chủ tịch UBND quận Đ, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017. Căn cứ các điều 3, 30, 32 và 116 của Luật Tố tụng hành chính, quyết định nêu trên là quyết định hành chính của Người bị kiện, đơn khởi kiện của ông T còn thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Phần nội dung Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 bị khởi

kiện:

“Cưỡng chế phá dỡ đối với:

Công trình vi phạm trật tự xây dựng tại: Thửa đất số 625 tờ bản đồ số 71 bộ địa chính phường R, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông Trần Ngọc T làm chủ đầu tư xây dựng công trình.

Địa chỉ thường trú: số 243 phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do: Ông Trần Ngọc T không T giác thực hiện phá dỡ công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng số 25/GPXD ngày 06 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp tại thửa đất số 625 tờ bản đồ số 71 bộ địa chính phường R, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Diện tích tầng 1 xây dựng sai vị trí: $(5,7m + 5,65m) \times 0,5 \times 3,5m = 19,86m^2$.

Kết cấu: Cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tôn”

[4] Qua ý kiến và yêu cầu của ông T, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về Biên bản “Vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công công trình xây dựng vi phạm” số 150/BB-VPHC ngày 18 tháng 8 năm 2016:

-Trước khi kiểm tra công trình xây dựng của ông T tại thửa 625 tờ bản đồ số 71 bộ địa chính phường R quận Đ, Thanh tra Sở Xây dựng đã thông báo trước bằng văn bản cho ông T biết rõ nội dung kiểm tra, thời điểm kiểm tra công trình xây dựng của ông T.

Ngày 18/8/2016, Đội Thanh tra địa bàn quận Đ-Thanh tra Sở xây dựng phối hợp UBND phường R đã đến công trình xây dựng nói trên để kiểm tra và tiến hành lập Biên bản số 150/BB-VPHC xác định ông T đã “tổ chức thi công công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng số 25/GPXD ngày 06 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân quận Đ cấp (trường hợp này được cấp phép mới). Cụ thể xây dựng sai vị trí diện tích tầng 1: $19,86 m^2$. Qui định tại điểm b Khoản 5 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Kết cấu: cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tôn. Thời điểm vi phạm: Tháng 8/2016”.

-Tại thời điểm kiểm tra, ông T có mặt nhưng không ký biên bản. Đội Thanh tra địa bàn quận Đ đã căn cứ Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 59 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về “Qui định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh, vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở” (gọi tắt là Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013) tiến hành lập Biên bản số 150/BB-VPHC, Biên bản có chữ ký và đóng dấu của UBND phường R.

Như vậy Biên bản số 150/BB-VPHC đã được lập đúng qui định pháp luật.

[4.2]. Việc khiếu nại của ông T về việc lập biên bản tại UBND phường R và UBND quận Đ đã được UBND quận Đ trả lời tại công văn số 3144/UBND-QLĐT ngày 25/7/2017, do vậy việc ông T cho rằng chưa được giải quyết khiếu nại là không đúng.

[4.3]. Theo Giấy phép xây dựng số 25/GPXD thì diện tích tầng 1 nhà ông T được xây dựng 240,4m² nhưng thực tế ông chỉ xây 236,8m² và UBND phường R không chỉ ra được ông xây dựng sai giấy phép diện tích 19,8m².

-Theo lời thừa nhận tại phiên tòa của ông T, bà L, xác nhận của đại diện chính quyền địa phương, các hình ảnh do ông T cung cấp cùng Bản vẽ hiện trạng vị trí kèm Biên bản số 150/BB-VPHC và Bản vẽ thiết kế ký hiệu KT 1/1 ngày 16/12/2015 do công ty TNHH Đo đạc, kiến trúc, xây dựng Nam Việt lập kèm Giấy phép xây dựng số 25/GPXD cho thấy tại phần đất tiếp nối sau nhà A (được xác định trên bản vẽ là “sân”): Bị xác định tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng số 25/GPXD, cụ thể xây dựng sai vị trí diện tích tầng 1: 19,86m² hiện tồn tại một phần nhà (diện tích khoảng 1,65m x 3,5m) thuộc nhà A và một phần là công trình có kết cấu: nền gạch ceramic, có tường gạch bao quanh, có cửa ra vào và cửa sổ, không lợp mái.

-Khoản 10 Điều 3 (Giải thích từ ngữ) Luật Xây dựng qui định: “Công trình xây dựng là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế. Công trình xây dựng bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình khác”.

-Khoản 4 Điều 12 (Các hành vi bị nghiêm cấm) Luật xây dựng qui định: “Xây dựng công trình không đúng quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.”

-Khoản 1 Điều 6 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ qui định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh, vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở” (viết tắt là Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng) qui định:

“Hành vi xây dựng sai phép quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP được hiểu là xây dựng sai một trong các nội dung của giấy phép xây dựng và các bản vẽ thiết kế được cơ quan cấp giấy phép xây dựng đóng dấu kèm theo giấy phép xây dựng được cấp.”

Như vậy, ông T đã có hành vi xây dựng công trình sai giấy phép xây dựng, tại vị trí tiếp nối sau nhà A (bản vẽ ký hiệu là “sân”) có diện tích 19,86 m², vi phạm điều cấm của pháp luật, việc lập Biên bản số 150/BB-VPHC là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4.4]. Hiện tại Chủ tịch UBND quận Đ chưa ban hành quyết định điều chỉnh, hủy bỏ hoặc thu hồi Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 nên không có cơ sở xác định quyết định này hết hiệu lực.

[5]. Việc ban hành Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 và

Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 của Chánh Thanh tra Sở xây dựng.

[5.1]. Đối với Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016.

Biên bản số 150/BB-VPHC có ghi rõ: “Ông (bà) tổ chức có quyền gửi văn bản, yêu cầu được giải trình trực tiếp đến Chánh Thanh tra Sở Xây dựng trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này hoặc gửi văn bản giải trình cho Chánh Thanh tra Sở Xây dựng trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày lập biên bản này. Hết thời hạn này, coi như ông Trần Ngọc T không có yêu cầu giải trình”

Ông T, bà L không thực hiện việc giải trình đến Chánh Thanh tra Sở xây dựng.

Chánh Thanh tra Sở Xây dựng xác định ông T đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính qui định tại điểm b, Khoản 5, Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 và ban hành Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 là đúng qui định của pháp luật.

[5.2]. Về Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017.

Do ông T không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 nên Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 là đúng pháp luật.

[6]. Xét Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017.

[6.1]. Về trình T, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Tại điểm d, Khoản 1, Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng qui định:

“Hết thời hạn quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo Mẫu quyết định số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, đồng thời thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ;

Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ.”

Ông T không tự nguyện chấp hành các quyết định hành chính của Chánh Thanh tra Sở xây dựng nên chuyển hồ sơ đến UBND quận Đ để Chủ tịch UBND quận Đ ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật T xây dựng đô thị là đúng qui định.

Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 được Chủ tịch UBND quận Đ ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[6.2]. Về nội dung Quyết định:

-Theo phân tích tại mục [4], ông T đã có hành vi xây dựng công trình không đúng giấy phép xây dựng số 25/GPXD, xây dựng sai vị trí, tăng diện tích tầng 1 có diện tích 19,86 m², vi phạm điều cấm của pháp luật, không T nguyện chấp hành các quyết định hành chính của Thanh tra Sở Xây dựng.

-Ông T không khiếu nại, không khởi kiện Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 và Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 của Chánh Thanh tra Sở xây dựng.

-Chủ tịch UBND quận Đ căn cứ các qui định của pháp luật, Quyết định số 1108/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 và Quyết định số 203/QĐ-CC ngày 05/4/2017 của Chánh Thanh tra Sở xây dựng để ban hành Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017.

Có căn cứ xác định việc ban hành Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch UBND quận Đ đúng pháp luật.

[7]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Ông T phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 3, 30, 32, 116, 157, 193, 194 và 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các điều 58, 73, 87 và 88 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về “Qui định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh, vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở”;

Căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ qui định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh, vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở”;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 “Về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Đ, Thành phố

Hồ Chí Minh.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0047811 ngày 26/9/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Ngọc T và bà Đỗ Thị L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chủ tịch UBND quận Đ thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên